

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CV-540 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CV-540 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice
District Court Division
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực

County
Quận/hạt

Name Of Plaintiff/Victim
Tên nguyên đơn/nạn nhân

Name Of Person Filing On Behalf Of Minor Or Incompetent Victim
Tên người nộp đơn thay mặt cho trẻ chưa thành niên hoặc nạn nhân không đủ năng lực pháp lý

Address Of Plaintiff/Victim (Use alternative address if afraid to give physical address.)
Địa chỉ của nguyên đơn/nạn nhân (Ghi địa chỉ thay thế nếu không muốn khai ra địa chỉ nơi ở vì lo sợ.)

VERSUS
CHÔNG

Name And Address Of Defendant/Respondent
Tên và địa chỉ bị cáo/bị đơn

COMPLAINT FOR PERMANENT
CIVIL NO-CONTACT ORDER
AGAINST SEX OFFENDER
ĐƠN KHIẾU TỐ ĐỂ YÊU CẦU
LỆNH CẤM TIẾP XÚC DÂN SỰ DÀI HẠN
ĐỐI VỚI NGƯỜI PHẠM TỘI TÌNH DỤC

G.S. 50D-2
G.S. 50D-2

NOTE TO PLAINTIFF/PERSON FILING ON BEHALF OF PLAINTIFF: Use this form only if you are seeking a permanent civil no-contact order prohibiting contact by a person convicted of a sex offense against you or against the minor child or the incompetent adult you are filing on behalf of. Check only the boxes below that apply and fill in blanks. Additional sheets may be attached.

LƯU Ý DÀNH CHO NGUYÊN ĐƠN/NGƯỜI NỘP ĐƠN THAY MẶT CHO NGUYÊN ĐƠN: Chỉ sử dụng mẫu này nếu quý vị muốn Tòa Án ra lệnh cấm tiếp xúc dân sự dài hạn để ngăn một người bị kết án phạm tội tình dục tiếp xúc với quý vị hoặc với một trẻ chưa thành niên/người trưởng thành không đủ năng lực pháp lý mà quý vị đang đại diện để nộp đơn khiếu tố này. Xin chỉ đánh dấu vào các ô thích hợp dưới đây và điền vào các chỗ trống. Quý vị có thể đính kèm thêm trang nếu cần.

1. The plaintiff resides in The defendant resides in The defendant was convicted of the sex offense in Neither the plaintiff nor the defendant resides in North Carolina and in the plaintiff's summons and complaint the plaintiff designates this county.
 Nguyên đơn cư trú ở Bị cáo cư trú ở Bị cáo bị kết án tội tình dục ở Cả nguyên đơn và bị cáo đều không cư trú ở North Carolina, và trong tất cả hồ sơ và đơn khiếu tố nguyên đơn đã chỉ định quận/hạt này.
2. a. I am a victim of a sex offense that occurred in North Carolina.
Tôi là nạn nhân của một tội tình dục đã xảy ra ở North Carolina.
b. The plaintiff is a minor or incompetent adult who is a victim of a sex offense that occurred in North Carolina, and I am a competent adult who resides in North Carolina and I am filing this complaint on the victim's behalf.
Nguyên đơn là trẻ chưa thành niên hoặc người trưởng thành không đủ năng lực pháp lý và là nạn nhân của một tội tình dục xảy ra ở North Carolina, và tôi là một người trưởng thành có năng lực pháp lý đang sống ở North Carolina và nộp đơn khiếu tố này thay mặt cho nạn nhân.
3. The defendant has committed a sex offense against the plaintiff in that: (Give the conviction date(s) and list the offense(s) requiring the defendant to register as a sex offender under Article 27A of Chapter 14 of the General Statutes.)
Bị cáo đã phạm tội tình dục đối với nguyên đơn, cụ thể là: (Cho biết tội danh và ngày kết án của (các) tội trạng khiến cho bị cáo phải đăng ký vào danh sách những người phạm tội tình dục chiếu theo Điều 27A, Chương 14 Bộ Luật Chung.)
4. The plaintiff did not seek a permanent no-contact order under G.S. 15A-1340.50.
Nguyên đơn đã không yêu cầu lệnh cấm tiếp xúc dài hạn theo điều G.S. 15A-1340.50.
5. To order the defendant not to contact the plaintiff by telephone, written communication, or electronic means. (Explain in detail why the plaintiff fears future contact with the defendant.)
Ra lệnh cấm bị đơn liên lạc qua điện thoại, thư viết hay phương tiện điện tử với nguyên đơn. (Giải thích chi tiết vì sao nguyên đơn sợ hãi việc tiếp xúc với bị cáo trong tương lai.)

(Over)
(Xem mặt sau)

6. The plaintiff states that disclosure of the plaintiff's address would place the plaintiff a member of the plaintiff's family or household at risk for further unlawful conduct, and as a result, the plaintiff has designated the alternative address above to receive notice of any motions or pleadings from the opposing party.
 Nguyên đơn cho biết rằng việc tiết lộ địa chỉ của nguyên đơn sẽ khiến cho nguyên đơn một người trong gia đình hay gia hộ của nguyên đơn có thể trở thành nạn nhân của các hành vi phạm pháp thêm nữa, và do đó nguyên đơn yêu cầu sử dụng địa chỉ thay thế nêu trên để nhận thông báo về bất kỳ kiến nghị hay biện hộ nào mà đương sự bên kia gửi nộp.

The Plaintiff Requests That The Court Grant A Permanent No-Contact Order Against Sex Offender With The Following Relief:
 (Check only boxes that apply.)

Nguyên đơn yêu cầu Tòa Án ra lệnh cấm tiếp xúc dài hạn đối với người phạm tội tình dục, với các lệnh cụ thể sau đây:

(Xin chỉ đánh dấu vào các ô thích hợp.)

1. To order the defendant not to threaten, visit, assault, molest, or otherwise interfere with the plaintiff.
 Lệnh cấm bị đơn đe dọa, đến thăm, hành hung, quấy rầy hay bằng cách khác làm phiền cho nguyên đơn.
2. To order the defendant not to follow the plaintiff, including at the plaintiff's workplace.
 Lệnh cấm bị cáo đi theo nguyên đơn, gồm cả việc đến chỗ làm việc của nguyên đơn.
3. To order the defendant not to harass the plaintiff.
 Lệnh cấm bị đơn quấy rầy nguyên đơn.
4. To order the defendant not to abuse or injure the plaintiff.
 Lệnh cấm bị đơn ngược đãi hay gây hại cho nguyên đơn.
5. To order the defendant not to contact the plaintiff by telephone, written communication, or electronic means.
 Lệnh cấm bị đơn liên lạc qua điện thoại, thư viết hay phương tiện điện tử với nguyên đơn.
6. To order the defendant to refrain from entering or remaining present at the plaintiff's residence, school, place of employment, or other places specified at times when the plaintiff is present.
 Lệnh cấm bị đơn đi vào hay ở lại trong chỗ ở, trường học, nơi làm việc của nguyên đơn hoặc những nơi khác được ghi dưới đây khi nguyên đơn đang có mặt ở đó.

(List other places where you want defendant ordered not to be.)
 (Liệt kê những nơi khác mà quý vị muốn Tòa Án cấm bị đơn có mặt.)

7. Other: (specify)
 Lệnh khác: (cho biết cụ thể)

Date (mm/dd/yyyy)
 Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Person Filing Complaint
 Chữ ký của người nộp đơn khiếu tố

**VERIFICATION
 XÁC NHẬN**

I, the undersigned, being first duly sworn, say that I am the plaintiff in this action; that I have read the Complaint; that the matters and things alleged in the Complaint are true except as to those things alleged upon information and belief, and as to those, I believe them to be true and accurate.

Tôi, người ký tên dưới đây và đã tuyên thệ theo đúng thủ tục luật pháp, xác nhận rằng tôi là nguyên đơn trong vụ này; rằng tôi đã đọc Đơn Khiếu Tố này; rằng những vụ việc được nêu trong Đơn Khiếu Tố này là đúng sự thật theo sự hiểu biết trực tiếp của tôi, còn những việc khai ra căn cứ vào sự hiểu biết gián tiếp thì tôi cũng tin tưởng là đúng sự thật và chính xác.

**SWORN/AFFIRMED AND SUBSCRIBED TO BEFORE ME
 TUYÊN THỆ/XÁC NHẬN VÀ KÝ TÊN TRƯỚC MẶT TÔI**

Date (mm/dd/yyyy)
 Ngày (tháng/ngày/năm)

Date (mm/dd/yyyy)
 Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature
 Chữ ký

Signature Of Person Signing Complaint
 Chữ ký của người ký đơn khiếu tố

- Deputy CSC Phó LSTTT Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm District Court Judge Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực
- Assistant CSC Phụ Tá LSTTT Designated Magistrate Quan Tòa Được Chỉ Định

Name Of Person Filing Complaint (type or print)
 Tên của người nộp đơn khiếu tố (đánh máy hay viết chữ in)

Notary Công Chứng Viên

Date My Commission Expires (mm/dd/yyyy)
 Thời hạn nhiệm vụ của tôi sẽ hết vào ngày (tháng/ngày/năm)

**SEAL
 ĐÓNG DẤU**

County Where Notarized
 Quận/hạt nơi đóng dấu công chứng